

Số: 3250 /QĐ-SNV

Điện Biên, ngày 25 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách nhà nước
Quý III năm 2025 của Văn phòng Sở Nội vụ tỉnh Điện Biên**

GIÁM ĐỐC SỞ NỘI VỤ

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2019 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 652/QĐ-UBND ngày 04/4/2025 của UBND tỉnh Điện Biên về việc bổ sung kinh phí cho các đơn vị thực hiện các nhiệm vụ phát sinh năm 2025 (đợt 2);

Căn cứ Quyết định số 718/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND tỉnh Điện Biên về việc điều chỉnh và giao dự toán ngân sách địa phương năm 2025 đối với các đơn vị khi thực hiện sắp xếp, sáp nhập trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1672/QĐ-UBND ngày 29/7/2025 của UBND tỉnh Điện Biên về việc bổ sung kinh phí cho các đơn vị thực hiện các nhiệm vụ phát sinh năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1921/QĐ-UBND ngày 6/8/2025 của UBND tỉnh Điện Biên về việc giao tiết kiệm chi thường xuyên của dự toán năm 2025 theo Nghị quyết 173/NQ-CP ngày 13/6/2025 của Chính phủ;

Căn cứ kết quả đối chiếu dự toán kinh phí tại Kho bạc nhà nước khu vực X - Phòng kế toán nhà nước.

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Sở.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách nhà nước Quý III năm 2025 của Văn phòng Sở Nội vụ tỉnh Điện Biên (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Sở và các phòng, đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- Lưu: VT, KT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Đình Tuyên

Đơn vị: Sở Nội vụ

Chương: 435



CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH

Từ ngày 01/7/2025 đến ngày 30/9/2025

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ

Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện Quý III năm 2025	Ước Thực hiện/Dự toán quý III (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	0	0		
	Phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức		0		
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	0	0		
	Phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	68.905,380	17.862,602	26%	
I	Nguồn ngân sách trong nước	68.905,380	17.862,602	26%	
1	Chi quản lý hành chính	42.987,200	10.685,314	25%	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	20.422,800	6.249,096	31%	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	22.564,400	4.436,218	20%	
2	Chi bảo đảm xã hội	25.115,000	7.177,288	29%	
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	25.115,000	7.177,288	29%	
3	Chi hoạt động chương trình mục tiêu quốc gia	303,180		0%	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	303,180		0%	
3	Chi đào tạo, bồi dưỡng CB,CC theo kế hoạch	500,000	-	0%	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	500,000		0%	